

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2021.
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 31/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1322/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 57/3, đường THT21, Tổ 12, Khu phố 3, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 119/1, đường H, Tổ 9, Ấp 5, xã B, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện C, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Minh D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 159, quyển số 01/2004 ngày 26/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng thường

xuyên gây gổ, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hợp nhau. Hiện nay, chúng tôi đã ly thân được 06 tháng. Nhận thấy đời sống chung hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn nên Tôi yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung có 02 con tên: Nguyễn Huỳnh Trúc M, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Huỳnh Trúc D, sinh ngày 16/5/2011. Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tôi không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Ngọc T và ông Nguyễn Minh D là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Minh D hiện cư trú tại huyện C, căn cứ và o khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Minh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Ngọc T và ông Nguyễn Minh D có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 159, quyển số 01/2004 ngày 26/11/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, bà T và ông D đã ly thân được 06 tháng. Bà nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không còn tình cảm với ông D nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà T nên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn với ông D của bà T là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông D.

[4] Về con chung có 02 con là: Nguyễn Huỳnh Trúc M, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Huỳnh Trúc D, sinh ngày 16/5/2011.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hiện tại bà T đang nuôi dưỡng trẻ M và trẻ D, đồng thời tại bản tự khai của trẻ M và trẻ D đều thể hiện muốn sống cùng mẹ khi ba và mẹ không sống chung với nhau. Xét thấy bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trẻ M và trẻ D cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ (trẻ M và trẻ D muốn được ở với mẹ) nên để ổn định tâm sinh lý của trẻ M và trẻ D, Hội đồng xét xử giao trẻ M và trẻ D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu nuôi dưỡng trẻ M và trẻ D và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông D cho đến khi bà T có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và o khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ và o Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc T là được ly hôn với ông Nguyễn Minh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 159, quyển số 01/2004 ngày 26/11/2004 của UBND xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Ngọc T và ông Nguyễn Minh D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 02 trẻ tên: Nguyễn Huỳnh Trúc M, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Huỳnh Trúc D, sinh ngày 16/5/2011.

Giao cho bà Huỳnh Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Trúc M, sinh ngày 10/3/2006 và Nguyễn Huỳnh Trúc D, sinh ngày 16/5/2011. Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông D cho đến khi bà T có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Huỳnh Ngọc T, phải chịu, nhưng được trừ và o tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0085095 ngày 13/11/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện C. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THADS H.C;
- UBND xã B, huyện C, Tp Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc